

Bản án số: 881/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Thủy
2. Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2023/TLST - HNGĐ ngày 03/04/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2023/QĐHPT – ST ngày 19/6/2023), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: phường 15, quận Bình Thạnh, TPHCM

Tạm trú: phường 17, quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Ông Nguyễn Tín Nh, sinh năm 1973

Địa chỉ: phường 15, quận Bình Thạnh, TPHCM

Tạm trú: phường 17, quận Gò Vấp, TPHCM

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Tín Nh chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/ĐKKH, quyền số 01/98 do Ủy ban nhân dân phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/1/1998. Ông bà chung sống có hai con chung là Nguyễn Thích Nhật L, sinh ngày 22/6/1998 đã trưởng thành và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 26/11/2009. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không hòa thuận, hai bên không còn tôn trọng lẫn nhau, ông Nh thường hay vô cớ đánh đập, hành hung, bạo lực với bà Th. Bà Th xác định tình cảm vợ chồng đối với ông Nh không còn nên bà đã dọn ra ở riêng và yêu cầu ly hôn ông Nh để ổn định cuộc sống của mình. Bà Th đề nghị được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Nhật H và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2023, bị đơn là ông Nguyễn Tín Nh trình bày: Ông Nh đã nhận được các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Nh vắng mặt tại các buổi làm việc do bị bệnh phải nằm viện. Ông Nh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th. Về con chung, ông Nh thống nhất có hai con chung như bà Th trình bày. Trẻ Nguyễn Thích Nhật L, sinh năm 1998 đã trưởng thành. Riêng trẻ Nguyễn Nhật H, sinh năm 2009 ông không đồng ý giao bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nh mong muốn trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn có tạm trú tại địa chỉ số --- phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/ĐKKH, quyền số 01/98 do Ủy ban nhân dân phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/1/1998. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1. Về mâu thuẫn vợ chồng: Các đương sự đã sống ly thân; Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình. Bị đơn không tham gia được phiên họp và hòa giải do bệnh phải nằm viện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc các đương sự xác định tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn đồng ý đã thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình không còn nữa, đời sống vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có hai con chung tên là Nguyễn Thích Nhật L, sinh ngày 22/6/1998 đã trưởng thành và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 26/11/2009. Cả hai đương sự đều đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ H cho đến khi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trẻ Nguyễn Nhật H đang sinh sống ổn định cùng bị đơn; Đề nghị của bị đơn phù hợp với nguyện vọng của trẻ H; Vì quyền lợi của trẻ em nên việc giao con chung cho bị đơn tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Tín Nh. Giấy chứng nhận kết hôn số 02/ĐKKH, quyền số 01/98 do Ủy ban nhân dân phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/1/1998 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thích Nhật L, sinh ngày 22/6/1998 đã trưởng thành và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 26/11/2009.

Giao ông Nguyễn Thanh Nh quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Nhật H, sinh ngày 26/11/2009 cho đến khi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Nguyễn Tín Nh không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th cấp dưỡng nuôi con. Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Th chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Th đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2022/0013026 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị